

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HSST

Ngày: 31/3/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Quý Long**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Đức Thụy**.
2. Ông **Trịnh Viết Xây**.

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Nguyễn Hải Loan**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Ông **Vũ Đình Phương**- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST- HS, ngày 20 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Duy Q, sinh ngày 04/6/1989 tại Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Ông Trần Duy C và bà Vũ Thị Y; Có vợ và 04 con; Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2012/HSST ngày 26/9/2012 của Toà án nhân dân huyện Thanh Miện xử phạt 06 năm 03 tháng tù về tội Cướp tài sản, 01 năm 06 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 07 năm 09 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm

ngày 09/11/2012. Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện xử phạt 27 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2023. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 22/7/2020; Nhân thân: Ngày 24/9/2010 Công an huyện Thanh Miện xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau. Đã chấp hành xong ngày 29/9/2010; Ngày 05/10/2010 Công an huyện Thanh Miện xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xúi giục người khác đánh nhau. Đã chấp hành xong ngày 07/10/2010; Ngày 28/9/2017 Công an huyện Thanh Miện xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau. Đã chấp hành xong ngày 12/10/2017; Ngày 27/9/2019 Công an huyện Ninh Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản. Đã chấp hành xong. Bị cáo đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ 22/01/2025 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Tất T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương

- Anh Nguyễn Đăng T1, sinh năm 2003

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương

- Anh Nguyễn Bình M, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương

- Anh Phạm Ngọc V, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương

- Anh Phạm Xuân T2, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương

- Anh Phạm Tuấn H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương

- Anh Lê Minh P, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương

(Anh T có mặt, anh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh M, V, T2, H, P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3 năm 2024, Trần Duy Q nảy sinh ý định cho người có nhu cầu vay tiền để thu lãi suất cao. Từ ngày 09/3/2024 đến tháng 12/2024, Q sử dụng nhà của mình ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương để cho 07 người vay tiền với 09 lượt vay, mức lãi suất từ 4.000 đồng/1 triệu tiền gốc/1 ngày vay (tương đương 146%/ năm) đến 5.000 đồng/1 triệu tiền gốc/1 ngày vay (tương đương 182,5%/ năm). Thời hạn vay theo thỏa thuận đến thanh toán hết tiền gốc. Mỗi kỳ tính lãi theo thỏa thuận giữa người cho vay và người vay (30 ngày, tính từ ngày vay). Những người trên đều vay tín chấp, để lại chứng minh thư hoặc căn cước công dân cho Q giữ và tự viết giấy vay theo mẫu của Q. Hành vi cho vay lãi nặng của Q cụ thể như sau:

1. Người vay Nguyễn Tất T- Sinh năm 1995, ở thôn A, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương

Lần 1: Ngày 09/3/2024, T đến nhà gặp Q vay số tiền gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, thu lãi kỳ đầu (30 ngày) là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó Q đưa lại cho T số tiền 8.500.000 đồng.

Lần 2: Ngày 10/3/2024, T đến nhà gặp Q vay số tiền gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) trong thời hạn đến khi trả tiền gốc hết, với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, cắt lãi kỳ đầu (30 ngày) là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), kỳ trả lãi sau của hai lần vay được thu vào ngày 09 tháng tiếp theo. Sau đó Q đưa lại cho T số tiền 17.000.000 đồng.

T vay của Q 02 lần với tổng số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Trong thời gian vay T đã trả tiền gốc ngày 30/10/2024 và trả tiền lãi được 05 kỳ, còn lại 03 kỳ lãi do không có tiền trả nên khi trả tiền gốc Q đã cho T. Số tiền lãi Q đã thu 22.500.000 đồng (Trong đó thu lời bất chính là 20.034.247 đồng, thu lời hợp pháp là 2.465.753 đồng).

2. Người vay Nguyễn Đăng T1, sinh năm 2003, ở thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương

Ngày 18/8/2024, T1 đến nhà Q vay số tiền gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, thu lãi kỳ đầu (30 ngày) là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), kỳ trả lãi sau được thu vào ngày 18 tháng tiếp theo. Sau đó Q đưa lại cho T1 số tiền 8.500.000 đồng. Đến ngày 18/9/2024, T1 đến xin Q không trả lãi của kì sau, Q đồng ý. Ngày 25/9/2024 T1 trả

hết tiền gốc đã vay cho Q. Số tiền lãi Q đã thu là 1.500.000 đồng (Trong đó thu lãi bất chính là 1.335.616 đồng, thu lãi hợp pháp là 164.384 đồng).

3. *Người vay Nguyễn Bình M, sinh năm 1997, ở thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương*

Ngày 28/9/2024, M được Bùi Hoàng A giới thiệu đến nhà Q vay số tiền gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, thu lãi kỳ đầu (30 ngày) là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng), kỳ trả lãi sau được thu vào ngày 28 tháng tiếp theo. Sau đó Q đưa lại cho M số tiền 8.800.000 đồng. Trong thời gian vay M chưa trả tiền gốc và đã trả tiền lãi được 03 kỳ thì bị Cơ quan điều tra phát hiện. Số tiền lãi Q đã thu 3.600.000 đồng (Trong đó thu lãi bất chính là 3.106.849 đồng, thu lãi hợp pháp là 493.151 đồng).

4. *Người vay Phạm Ngọc V, sinh năm 2000, ở thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương*

Ngày 16/10/2024, V đến hỏi vay tiền Bùi Hoàng A thì được giới thiệu đến nhà Q vay số tiền gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, thu lãi kỳ đầu (30 ngày) là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), kỳ trả lãi sau được thu vào ngày 16 tháng tiếp theo. Sau đó Q đưa lại cho V số tiền 8.500.000 đồng. Trong thời gian vay V chưa trả tiền gốc và đã trả tiền lãi được 02 kỳ thì bị Cơ quan điều tra phát hiện. Số tiền lãi Q nhằm đạt được là 3.400.000 đồng (đã thu 3.000.000 đồng, chưa thu 400.000 đồng) (Trong đó thu lãi bất chính đã thu và sẽ thu là 3.027.397 đồng, thu lãi hợp pháp là 372.603 đồng).

5. *Người vay Phạm Xuân T2, sinh năm 1994, ở thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương*

Ngày 25/11/2024, T2 đến hỏi vay tiền Bùi Hoàng A thì được giới thiệu đến nhà Q vay số tiền gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, thu lãi kỳ đầu (30 ngày) là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), kỳ trả lãi sau được thu vào ngày 25 tháng tiếp theo. Sau đó Q đưa lại cho T2 số tiền 8.500.000 đồng. Trong thời gian vay T2 chưa trả tiền gốc và đã trả tiền lãi được 01 kỳ thì bị Cơ quan điều tra phát hiện. Số tiền lãi Q đạt được là 1.500.000 đồng (đã thu) (Trong đó thu lãi bất chính là 1.335.616 đồng, thu lãi hợp pháp là 164.384 đồng).

6. *Người vay Phạm Tuấn H, sinh năm 1997, ở thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương*

Ngày 26/11/2024, H đến hỏi vay tiền Bùi Hoàng A thì được giới thiệu đến nhà Q vay số tiền gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, thu lãi kỳ đầu (30 ngày) là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), kỳ trả lãi sau được thu vào ngày 25 tháng tiếp theo. Sau đó Q đưa lại cho H số tiền 8.500.000 đồng. Trong thời gian vay H chưa trả tiền gốc và đã trả tiền lãi được 01 kỳ thì bị Cơ quan điều tra phát hiện. Số tiền lãi Q đạt được là 1.500.000 đồng (đã thu) (Trong đó thu lời bất chính là 1.335.616 đồng, thu lời hợp pháp là 164.384 đồng).

7. *Người vay* Lê Minh P, *sinh năm 1990, ở thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương*

Lần 1: Ngày 24/11/2024, P đến hỏi vay tiền Bùi Hoàng A thì được giới thiệu đến nhà Q vay số tiền gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, thu lãi kỳ đầu (30 ngày) là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), kỳ trả lãi sau được thu vào ngày 25 tháng tiếp theo. Sau đó Q đưa lại cho P số tiền 8.500.000 đồng.

Lần 2: Ngày 29/11/2024, P tự mình đi đến nhà Q vay số tiền gốc 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, thu lãi kỳ đầu (30 ngày) là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), kỳ trả lãi sau được thu vào ngày 29 tháng tiếp theo. Sau đó Q đưa lại cho P số tiền 4.250.000 đồng.

P vay của Q 02 lần với tổng số tiền gốc là 15.000.000 đồng. Trong thời gian vay P chưa trả tiền gốc và trả tiền lãi được 01 kỳ (do Q thu từ khi cho vay). Số tiền lãi Q đã thu hai lần là 2.250.000 đồng (Trong đó thu lời bất chính là 2.003.425 đồng, thu lời hợp pháp là 246.576 đồng).

Trong thời gian từ ngày 09/3/2024 đến tháng 12/2024, Trần Duy Q bỏ ra 95.000.000 đồng tiền gốc cho 07 người vay tiền với 09 lượt vay, mức lãi suất từ 4.000 đồng/1 triệu tiền gốc/1 ngày vay (tương đương 146%/ năm) đến 5.000 đồng/1 triệu tiền gốc/1 ngày vay (tương đương 182,5%/ năm). Với mục đích thu lãi suất 36.250.000 đồng (trong đó thu lời bất chính 32.178.775 đồng, thu lời theo quy định của Bộ luật dân sự là 4.071.235 đồng).

Tại văn bản số 1661/HAD- THKT ngày 31/12/2024 của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Hải Dương xác định lãi suất cho vay: Lãi suất 4.000 đồng/ 1.000.000 đồng tiền gốc/ 1 ngày vay: Mức lãi suất tính lãi theo tỉ lệ % năm là 146,0% /năm; Lãi suất 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng tiền gốc/ 1 ngày vay: Mức lãi suất tính lãi theo tỉ lệ % năm là 182,5% /năm.

Tại bản cáo trạng số 17/CT- VKSNG ngày 07/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương truy tố Trần Duy Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS).

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Duy Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35- BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Duy Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Quy Q1 từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288; Điều 579; Điều 580 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Trần Duy Q phải hoàn trả cho anh Nguyễn Tất T số tiền 22.500.000 đồng (Đã trả); anh Nguyễn Đăng T1 số tiền 1.335.616 đồng; anh Nguyễn Bình M số tiền 3.106.849 đồng; anh Phạm Ngọc V số tiền 3.027.397 đồng; anh Phạm Xuân T2 số tiền 1.335.616 đồng; anh Phạm Tuấn H số tiền 1.335.616 đồng; anh Lê Minh P số tiền 2.003.425 đồng.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 4.071.235 đồng (2.465.753 đồng + 164.384 đồng + 493.151 đồng + 372.603 đồng + 164.384 đồng + 164.384 đồng + 246.576 đồng) (tương ứng với lãi suất 20%/năm) của Trần Quy Q1.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 40.000.000 đồng của Trần Duy Q (số tiền gốc Q cho anh T vay 30.000.000 đồng và số tiền gốc Q cho anh T1 vay 10.000.000 đồng (anh T, anh T1 đã trả Q). Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Bình M; số tiền 10.000.000 đồng của anh Phạm Ngọc V; số tiền 10.000.000 đồng của Phạm Xuân T2; số tiền 10.000.000 đồng của anh Phạm Tuấn H; số tiền 15.000.000 đồng của anh Lê Minh P (số tiền gốc Q cho anh M, V, T2, H, P vay, anh M, V, T2, H, phúc chưa trả Q).

Về xử lý vật chứng: Đối với 06 giấy biên nhận vay tiền mặt do anh Nguyễn Tất T, Nguyễn Bình M, Phạm Ngọc V, Lê Minh P, Phạm Xuân T2, Phạm Tuấn H tự viết khi vay tiền của Q và 05 giấy biên nhận vay tiền mặt không ghi gì tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tất T xác định bị cáo đã trả số tiền thu lời bất chính là 22.034.247 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ninh Giang, Điều tra viên, VKSND huyện Ninh Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đăng T1 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Bình M, anh Phạm Ngọc V, anh Phạm Xuân T2, anh Phạm Tuấn H, anh Lê Minh P vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. HĐXX xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 BLTTHS.

[3]. Lời khai của bị cáo Trần Duy Q tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/3/2024 đến ngày 29/11/2024, tại thôn T, xã T, huyện T, Trần Duy Q sử dụng tổng số tiền gốc 95.000.000 đồng cho 07 người vay tiền với 09 lượt vay với lãi suất được tính 4.000 đồng/ 01 triệu tiền vay/ 01 ngày vay (tương đương lãi suất tính lãi theo tỉ lệ % năm là 146,0% /năm) và 5.000 đồng/ 01 triệu tiền vay/ 01 ngày vay (tương đương lãi suất tính lãi theo tỉ lệ % năm là 182,5% /năm). Tổng số tiền Q nhằm thu lời bất chính 32.178.765 đồng (*ba mươi hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*). Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng đến

lợi ích của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là trái pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi vẫn cố ý thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS. Xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố các bị cáo Trần Duy Q tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bản án số 50/2019/HSST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đã áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm”. Bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. HĐXX sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Bị cáo Trần Duy Q phạm tội không thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, không hoạt động dưới hình thức băng ô, nhóm. HĐXX thấy, bị cáo phạm tội với mục đích tư lợi nên căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3, Nghị quyết 01/NQ- HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, tu dưỡng thành công dân tốt có ích cho xã hội là phù hợp với Điều 35- Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền là phù hợp.

[7]. Về biện pháp tư pháp:

[7.1]. Đối với số tiền 4.071.235 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm phát sinh từ việc phạm tội nên cần tịch thu của bị cáo Trần Duy Q nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7.2]. Đối với số tiền bị cáo thu lời bất chính của anh Nguyễn Tất T số tiền 22.034.247 đồng anh T xác định bị cáo đã trả toàn bộ số tiền trên nên HĐXX

không xem xét, giải quyết; Đối với số tiền bị cáo thu lời bất chính của anh Nguyễn Đăng T1 số tiền 1.335.616 đồng; anh Nguyễn Bình M số tiền 3.106.849 đồng; anh Phạm Ngọc V số tiền 3.027.397 đồng; anh Phạm Xuân T2 số tiền 1.335.616 đồng; anh Phạm Tuấn H số tiền 1.335.616 đồng; anh Lê Minh P số tiền 2.003.425 đồng. Nên buộc bị cáo phải trả lại anh T1, anh M, anh V, anh T2, anh H, anh P số tiền như nêu trên.

[7.3]. Đối với số tiền 40.000.000 đồng (số tiền gốc Q cho anh T vay 30.000.000 đồng và số tiền gốc Q cho anh T1 vay 10.000.000 đồng (anh T, anh T1 đã trả Q). HĐXX xác định số tiền gốc trên là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu của bị cáo Trần Duy Q số tiền 40.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7.4]. Đối với số tiền gốc bị cáo cho anh Nguyễn Bình M vay 10.000.000 đồng; Phạm Ngọc V vay số tiền 10.000.000 đồng; anh Phạm Xuân T2 vay số tiền 10.000.000 đồng; anh Phạm Tuấn H vay số tiền 10.000.000 đồng; anh Lê Minh P vay số tiền 15.000.000 đồng (số tiền gốc Q cho anh M, V, T2, H, P vay, anh M, V, T2, H, P chưa trả Q). HĐXX xác định số tiền gốc nêu trên là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu của anh Nguyễn Bình M, anh Phạm Ngọc V, anh Phạm Xuân T2, anh Phạm Tuấn H mỗi người 10.000.000 đồng và anh Lê Minh P 15.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 06 giấy biên nhận vay tiền mặt do anh Nguyễn Tất T, Nguyễn Bình M, Phạm Ngọc V, Lê Minh P, Phạm Xuân T2, Phạm Tuấn H tự viết khi vay tiền của Q và 05 giấy biên nhận vay tiền mặt không ghi gì tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[9]. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[10]. Các vấn đề khác: Đối với Bùi Hoàng A không tham gia bàn bạc, thống nhất với Q từ trước về việc cho vay lấy lãi suất cao ngay từ đầu. Sau đó Hoàng A giới thiệu 05 người (M, V, P, T2, H) đến vay tiền của Q để giúp Q thu lời bất chính 10.140.094 đồng. Do vậy hành vi của Bùi Hoàng A chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự. Công an huyện Ninh Giang đã lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi Hoàng A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35- Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288; Điều 579; Điều 580 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Duy Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Quy Q1 **80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng)** nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Trần Duy Q phải hoàn trả cho Nguyễn Đăng T1 số tiền 1.335.000 đồng (đã làm tròn); anh Nguyễn Bình M số tiền 3.106.000 đồng (đã làm tròn); anh Phạm Ngọc V số tiền 3.027.000 đồng (đã làm tròn); anh Phạm Xuân T2 số tiền 1.335.000 đồng (đã làm tròn); anh Phạm Tuấn H số tiền 1.335.000 đồng (đã làm tròn); anh Lê Minh P số tiền 2.003.000 đồng (đã làm tròn).

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 4.071.000 đồng (đã làm tròn) tương ứng với mức lãi suất 20%/năm của Trần Duy Q.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 40.000.000 đồng của Trần Duy Q (số tiền anh Nguyễn Tất T trả Q 30.000.000 đồng; anh Nguyễn Đăng T1 đã trả Q).

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Bình M, số tiền 10.000.000 đồng của anh Phạm Ngọc V, số tiền 10.000.000 đồng của anh Phạm Xuân T2, số tiền 10.000.000 đồng của anh Phạm Tuấn H, số tiền 15.000.000 đồng của anh Lê Minh P (số tiền gốc anh M, anh V, anh T2, anh H, anh P chưa trả cho Q).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468- Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Cơ quan THAHS- Công an tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HS- NV- Công an tỉnh Hải Dương;
- THADS huyện Ninh Giang;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

BÙI QUÝ LONG